

Name:

Class: S3

Tel: 034 200 9294

Ngày GV giao bài: Thứ, ngày/.....

Ngày HS nộp bài: Thứ, ngày/.....



Vocabulary:

Listening:

Mini Test:

GLOBAL ENGLISH 3

Unit 1: Working together – Vocabulary Revision

Lưu ý: Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chú thích nghĩa: Con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY MỞ RỘNG

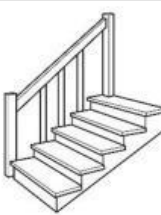
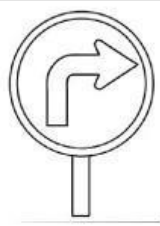
No.	New words	Meanings	No.	New words	Meanings
1	performance (n)	buổi biểu diễn	6	post (n)	cột trụ
2	bend (v)	uống cong	7	exact (a)	chính xác
3	mount (v)	đóng khung, dán vào	8	opposite direction	hướng ngược lại
4	on time	đúng giờ	9	village (n)	ngôi làng
5	businessman (n)	doanh nhân	10	striped (a)	có sọc, vằn

***Note:** *n = noun: danh từ; v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ*

***Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

B. HOMEWORK

I. Fill in the missing letter from the picture

0		LADDER	3		R ____ E
1		SW _____	4		____ C E
2		S T _____	5		__ R N

II. Match word with its definition

0. slowly	0 - E	A. in a short time; rapidly
1. measure	1 -	B. to take something from one place to another
2. pole	2 -	C. to find the exact size, weight of something, using a ruler
3. quickly	3 -	D. a long, round post made of metal, wood, or some other material
4. twist	4 -	E. not moving or not able to move quickly
5. carry	5 -	F. to bend a single thing in opposite directions so that parts of this same thing are turned away from each other

III. Circle the correct answer

0. I like _____ books.

A. read

B. reading

C. reads

1. He _____ the frame before mounting the picture.

A. measures

B. quickly

C. pole

2. She _____ my suitcase up the stairs.

A. carry

B. carrying

C. carries

3. Get ready _____ so that we'll get to the movie on time.

A. quickly

B. slowly

C. A & b

4. The flag flies from the top of the _____.

A. rope

B. pole

C. twist

5. We are going to _____ a tree house.

A. build

B. match

C. draw

IV. Make your own sentences with words in the box

climb - pass - wave - turn around - act - ~~match~~ - draw

0. _____ I watch a football match with my friends _____.

1. _____.

2. _____.

3. _____.

4. _____.

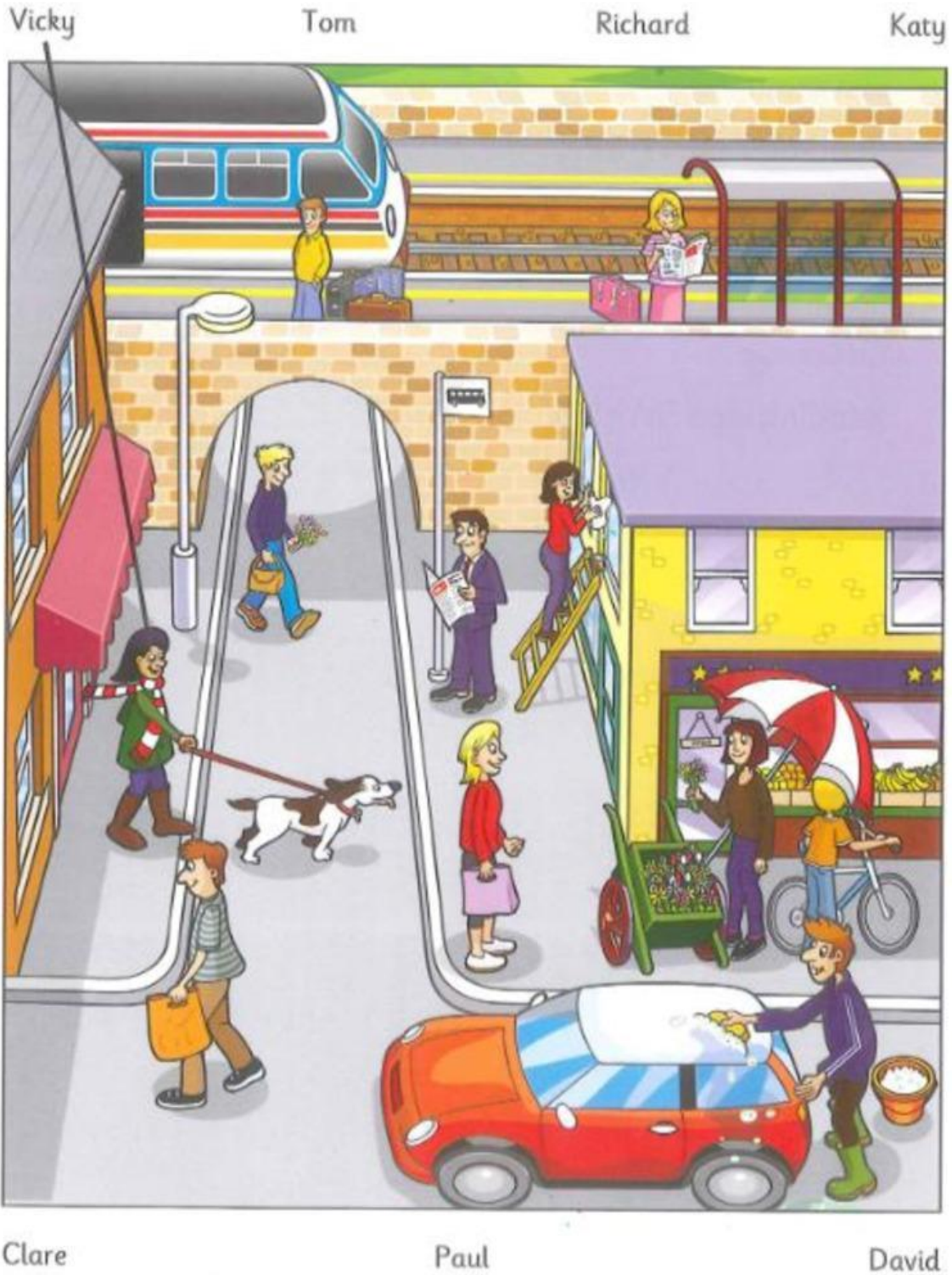
5. _____.

6. _____.

Con hãy làm bài nghe theo link sau:

<https://drive.google.com/file/d/1ifTEI6Tc0mwGKAQsJEknLpR0zsbGJYFf/view?usp=sharing>

Listen and draw lines. There is one example.



I. Write the correct words

No.	Words	Meaning
1	_____ (v)	chuyền, đưa
2	_____ (n)	trận đấu
3	_____ (v)	xây, dựng
4	_____ (v)	cười lớn
5	_____ (v)	thua

II. Read and fill in the missing letters

1. The game is a d_ _ _ .
2. T_ _ _ a_ _ _ _ and look at me.
3. The monkey can c_ _ _ _ the tree.
4. They a_ _ in the school *play* (vở kịch).
5. It is a fun football m_ _ _ h.

*Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo.
Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!*

